

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ THIỆU TRUNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh Phúc**

Số: /UBND-KT

Thiệu Trung, ngày tháng năm 2026

V/v cung cấp thông tin bước đầu phục vụ khảo sát nhanh thực trạng nguồn nước và cấp nước sinh hoạt nông thôn thuộc CTMTQG xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững, phát triển KTXH ĐBDTTS&MN giai đoạn 2026-2030.

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và môi trường tỉnh Thanh Hóa.

Thực hiện Công văn số 7676/SNNMT-TL ngày 19/5/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thanh Hóa về việc cung cấp thông tin bước đầu phục vụ khảo sát nhanh thực trạng nguồn nước và cấp nước sinh hoạt nông thôn thuộc CTMTQG xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững, phát triển KTXH ĐBDTTS&MN giai đoạn 2026-2030. Sau khi rà soát trên địa bàn xã. UBND xã Thiệu Trung báo cáo cụ thể như sau:

(Có phụ lục đính kèm)

UBND xã Thiệu Trung kính báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thanh Hoá tổng hợp báo cáo, theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên ;
- Chủ tịch UBND xã (để b/c);
- Lưu: VT, KT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Vũ

PHỤ LỤC I

Thông tin chung về địa bàn thiếu nước sinh hoạt

(Kèm theo Công văn số: /BNNMT-TL ngày /5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Tỉnh/TP	Xã	Thôn/Bản (nếu có)	Tổng số hộ	Thuộc DTTS (Có/Không)	Thuộc miền núi (Có/Không)	Thuộc địa bàn khó khăn (Có/Không)	Thiếu nước (Có/Không)	Mức độ thiếu nước	Thời gian thiếu (tháng)	Số hộ	Đầu mối xã (Họ tên)	Số điện thoại	Email	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
	Không	Không												

Hướng dẫn điền thông tin:

Cột (4): điền số hộ thuộc thôn/bản

Cột (5), (6), (7), (8): điền Có/Không

Cột (9): điền một trong các mức độ: Nhẹ/Vừa/Nặng

Cột (10): điền số tháng thiếu nước trong năm

Cột (11): điền số hộ của thôn/bản

Cột (12), (13), (14): điền họ tên, số điện thoại, email của cán bộ phụ trách thôn/bản

PHỤ LỤC II

Thông tin hiện trạng công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn

(Kèm theo Công văn số: /BNNMT-TL ngày /5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Tỉnh/TP	Xã	Tên công trình/điểm cấp nước	Loại công trình (tập trung/nhỏ lẻ)	Nguồn cấp chính	Quy mô phục vụ (hộ/người)	Tình trạng vận hành	Sự cố chính	Đơn vị quản lý	Thu phí (Có/Không)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
	Xã Thiệu Trung	Chi nhánh cấp nước sạch Thiệu Trung	Tập trung	Nước mặt (Nguồn nước Kênh B9)	6.139	Đang hoạt động tốt	không	Trung tâm nước sạch và VSMT nông thôn Thanh Hóa	có	
1		Công ty Shakito - Vũ	Tập trung	Nước mặt (Nguồn nước Sông Chu)	16.600	Đang hoạt động tốt	không	Trung tâm nước sạch và VSMT nông thôn Thanh Hóa	có	

Hướng dẫn điền thông tin:

Cột (3): điền tên công trình hoặc tên điểm cấp nước

Cột (4): điền một trong các loại hình: Tập trung /Nhỏ lẻ

Cột (5): điền một trong các nguồn sau: Nước mặt/Nước dưới đất /Nước mưa/Mua nước

Cột (6): điền số hộ hoặc số người dân được cấp nước từ công trình

Cột (7): điền một trong các tình trạng sau: Tốt /Hoạt động kém/Không hoạt động/Đang xây dựng

Cột (8): điền sự cố chính trong quá trình vận hành công trình

Cột (9): điền tên đơn vị quản lý công trình

Cột (10): điền một trong hai hình thức: Có/Không.

PHỤ LỤC III

Thông tin hiện trạng nguồn nước chính và các rủi ro liên quan

(Kèm theo Công văn số: /BNNMT-TL ngày /5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Tỉnh/TP	Xã	Nguồn ưu tiên	Mô tả ngắn nguồn (vị trí/điểm lấy nước)	Ôn định mùa kiệt (Thấp/Trung bình/Cao)	Nguy cơ ô nhiễm (Thấp/TB/Cao)	Vấn đề chất lượng (mặn/phèn/đục/mùi...)	Khả năng khai thác (Thấp/Trung bình/Cao)	Gợi ý xử lý (cơ bản/nâng cao)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Thiệu Trung	Nước mặt	Nguồn nước Kênh B9	Trung bình	Thấp	Mặn	Trung bình	Cơ bản	
		Nước mặt	Nguồn nước sông Chu	Trung bình	Thấp	Mặn	Trung bình	Cơ bản	

Hướng dẫn điền thông tin:

Cột (3): điền một trong các nguồn sau: Nước mặt/Nước dưới đất/Nước mưa/Kết hợp

Cột (4): điền ngắn gọn vị trí công trình hoặc điểm lấy nước

Cột (5): điền một trong các mức sau: Thấp /Trung bình/Cao

Cột (6): điền một trong các mức sau: Thấp /Trung bình/Cao

Cột (7): điền khái quát ngắn gọn vấn đề về chất lượng nước trong khu vực

Cột (8): điền một trong các mức sau: Thấp/Trung bình/Cao

Cột (9): điền một trong các mức sau: Xử lý cơ bản/Xử lý nâng cao/Chưa xác định

PHỤ LỤC IV

Thông tin đề xuất khu vực ưu tiên và điểm khảo sát thực địa

(Kèm theo Công văn số: /BNNMT-TL ngày /5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Tỉnh/TP	Xã	Thôn/Bản (nếu có)	Mức thiếu nước	Dân số hưởng lợi	Nguồn nước chính	Mô hình đề xuất sơ bộ	Mức ưu tiên	Nhóm chi phí (nhỏ/vừa/lớn)	Điểm ưu tiên khảo sát thực địa	Điều kiện phối hợp/ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
	Không									

Hướng dẫn điền thông tin:

Cột (4): điền một trong các mức sau: Nhẹ /Vừa/Nặng

Cột (5): điền số người dân được hưởng lợi khi đầu tư công trình

Cột (6): điền một trong các nguồn sau: Nước mặt/Nước dưới đất/Nước mưa/Kết hợp

Cột (7): điền một trong các mô hình sau: Mô hình nước mặt / Mô hình nước dưới đất / Mô hình thu trữ nước mưa/Mô hình kết hợp

Cột (8): điền một trong các mức sau: Cấp bách/Uưu tiên/Theo kế hoạch

Cột (9): điền một trong các mức sau: Nhỏ/Vừa/Lớn

Cột (10): điền vị trí ưu tiên khảo sát thực địa